TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CÁI RĂNG,** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/DS-ST
Ngày 29-3-2024
V/v "tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Thanh Tùng.

2/ Bà Lê Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Nhu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 239/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2023 về "tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông La Quang S.

Địa chỉ: Đường B, phường T, quận N, Thành phố C "Có mặt".

Bị đơn:

2.1 Bà Nguyễn Ngọc D; Địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận C, Thành phố C "Vắng mặt".

2.2 Ông Nguyễn Thanh Phú E; Địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận C, Thành phố C "Vắng mặt".

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Trang Thị Bích Ng; Địa chỉ: Số 465 Khu vực Thạnh Thắng, phường Thường Thạnh, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ "Vắng mặt".

3.2 Văn phòng công chứng T; Địa chỉ: Số T, đường V, phường P, quận C, Thành phố C "Có đơn vắng mặt".

3.3 Văn phòng công chứng C; Địa chỉ: đường L, Khu vực Y, phường L, quận C, Thành phố C "Có đơn vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông S trình bày: Ngày 13/3/2016 ông nhận chuyển nhượng một phần đất của bà D, ông E thông qua Giấy mua bán đất viết tay với diện tích 50.6m^2 (CLN) trong tổng diện tích 1.773.7m^2 thuộc thửa 204, tờ bản đồ 7B, địa chỉ đất tại Khu vực Phú Thắng, phường Thường Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 734719, số vào sổ cấp GCN: CS07268 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Cần Thơ cấp ngày 02/3/2018 cho bà Nguyễn Ngọc D. Giá chuyển nhượng phần đất trên 12.000.000 đồng, ông đã giao trả đủ tiền cho bà D, ông E và đã được nhận đất.

Do phần đất này tiếp giáp, liền kề phía sau đất của ông thửa số 823, tờ bản đồ số 7B, địa chỉ đất tại Khu vực Phú Thắng, phường Thường Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 765824, số vào sổ cấp GCN: CS07141 Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Cần Thơ cấp ngày 18/12/2017 nên ông đã cắm ranh giới đất, xây hàng rào chung với phần đất của ông. Ông đã quản lý, sử dụng từ đó đến nay.

Khi nhận chuyển nhượng, bà D ông E có cam kết khi ông S làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất lên thổ cư thì bà D, ông E sẽ hợp tác, đưa Giấy chứng nhận cho ông thực hiện. Nhưng khi ông làm thì bà D, ông E không hợp tác và sau khi gửi đơn thư khiếu kiện tại Ủy ban nhân dân phường thì mới biết được toàn bộ diện tích đất 1.773.7m^2 (bao gồm cả 50.6m^2 (CLN) mà ông đã nhận chuyển nhượng trước đó) thuộc thửa 204 đã được ông bà chuyển nhượng cho bà Ng. Việc chuyển nhượng này làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông nên khởi kiện yêu cầu:

Hủy một phần Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà D với ông Bình chứng thực số 1956, quyển số 07/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/7/2021 của Văn phòng công chứng C (sau đây viết tắt là VPCC C). Ngày 17/01/2024 ông S có đơn rút lại yêu cầu khởi kiện này.

Hủy một phần Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà D với bà Ng chứng thực số 1035 quyển số 05/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/5/2022 của Văn phòng công chứng T (sau đây viết tắt là VPCC T);

Công nhận Giấy mua bán đất ngày 13/3/2016. Buộc bà D, ông E phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ tách thửa sang tên cho ông được quyền sử dụng phần đất đã nhận chuyển nhượng nêu trên.

Bị đơn bà D: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ và Biên bản xác minh ngày 30/11/2023 tại địa chỉ đất tranh chấp bà D thừa nhận cùng ông E (con trai bà) có chuyển nhượng cho ông S một phần diện tích đất nêu trên, đã nhận tiền, giao đất cho ông S xây hàng rào nhưng do ông S đi công tác ở nước ngoài nên chưa làm thủ tục sang tên cho ông được. Sau đó bà đã chuyển nhượng hết diện tích thửa đất trên cho bà Ng. Khi chuyển nhượng bà có thông báo cho bà Ng biết là đã chuyển nhượng cho ông S 50.6m^2 (CLN), đã giao đất cho ông S cắm ranh đất, xây hàng rào bảo vệ đất và bà Ng cũng đồng ý và nói sau này ông S có yêu cầu tách ra thì bà sẽ tách. Hiện bà không còn đất nên không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông S. Bà đã chuyển nhượng cho bà Ng, đã thông báo và được bà Ng đồng ý nên bà Ng có trách nhiệm tách thửa phần diện tích đất trên cho ông S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bình trình bày: Phần đất ông sử dụng không tiếp giáp với phần đất tranh chấp giữa ông S với bà D nên ông không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này. Ông từ chối tham gia tố tụng và yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt. Bà Ng vắng mặt.

VPCC C khẳng định thực hiện yêu cầu công chứng hợp đồng nêu trên đúng trình tự, thủ tục, phù hợp ý chí, nguyện vọng các bên, không trái đạo đức xã hội đồng thời xin giải quyết vắng mặt. VPCC T vắng mặt.

Diễn biến tại phiên tòa, căn cứ vào Bản trích đo địa chính số 110/TTKTTNMT ngày 30/01/2024 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ ông S thay đổi một phần yêu cầu hủy một phần Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà D với bà Ng chứng thực số 1035, quyển số 05/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/5/2022 của VPCC T đối với diện tích 31.0m^2 (CLN) thuộc

thửa đất số 204; Công nhận Giấy mua bán đất ngày 13/3/2016 giữa ông với bà D, ông E. Phần diện tích này khi được công nhận ông sẽ làm thủ tục để hợp thửa, chỉnh lý biến động tăng vào diện tích của thửa đất 823 của ông.

Qua phần hỏi, do muốn mở rộng thêm chiều dài thửa đất của ông từ trước ra sau nên khi biết được bà D, ông E muốn bán một phần đất tiếp giáp và liền kề với thửa đất của ông thì ông đồng ý mua. Khi mua có báo cho bà D, ông E biết rằng ông sẽ làm thủ tục hợp thửa đất và chuyển mục đích sử dụng đất lên thổ cư để xây dựng nhà ở thì bà D, ông E thống nhất, hứa sẽ hợp tác nhưng do ông đi công tác ở nước ngoài thường xuyên không hay bà D, ông E chuyển nhượng hết thửa đất cho bà Ng. Đến khi ông nộp đơn phản ánh lên Ủy ban nhân dân phường thì mới biết. Theo bà D thừa nhận, bà Ng thừa biết ông đã nhận chuyển nhượng một phần diện tích 50.6m^2 (CLN) và đã xây hàng rào quanh đất nên mới đồng ý mua. Nhưng khi ông yêu cầu bà D, ông E và bà Ng cùng hợp tác để ông tách thửa thì bà D, ông E đồng ý trong khi bà Ng thì không.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự: Giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký tòa án cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông S thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích tranh chấp ban đầu 50.6m^2 (CLN) xuống còn 31.0m^2 (CLN), rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Bình là phù hợp, có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận, đình chỉ xét xử yêu cầu này.

Các chứng cứ do ông S cung cấp và lời trình bày của bà D, ông E về việc chuyển nhượng cho ông S 31.0m^2 (CLN) thuộc thửa 204, đã giao nhận đủ tiền, giao đất cho ông S xây dựng hàng rào để quản lý, sử dụng là có thật. Xét Giấy mua bán đất ngày 13/3/2016 giữa ông S với bà D, ông E chưa tuân thủ quy định về hình thức, chưa được công chứng, chứng thực nhưng đến trước thời điểm chuyển nhượng đất cho bà Ng thì các bên đã thực hiện xong hợp đồng, bà D, ông E đã nhận đủ số tiền 12.000.000 đồng và đã bàn giao đất cho ông S sử dụng năm 2016. Tại thời điểm chuyển nhượng cho bà Ng thì bà Ng có biết việc bà D đã chuyển nhượng cho ông S một phần đất trong thửa 204 trước đó nên Giấy mua bán đất trên vẫn có giá trị pháp lý. Từ những nhận định, căn cứ nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 500, 501, 503 Bộ luật Dân sự; Các Điều 167, 188, 203 Luật Đất đai chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông La Quang S: Công nhận Giấy mua bán đất ngày

13/3/2016 giữa ông La Quang S với bà Nguyễn Ngọc D, ông Nguyễn Thanh Phú E có hiệu lực pháp luật. Công nhận cho ông La Quang S được quyền sử dụng phần đất có diện tích 31,0 m^2 (CLN). Các đương sự chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ được thu thập, thẩm tra công khai tại tòa xác định các đương sự tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tòa án nhân dân quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 203 Luật Đất đai.

[2] Bà Ng, VPCC T đã được triệu tập nhưng vắng mặt. VPCC C có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với những người này.

[3] Diện tích đất 31,0m^2 (CLN) thuộc thửa 204 ông S tranh chấp với bà D, ông E và bà Ng không tiếp giáp, không liên quan đến thửa đất 1164 của ông Bình. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự ông Bình và VPCC C không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này. Ông S rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Bình là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 5, Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút này.

[4] Bà Ng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến, quan điểm của bà về việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào lời trình bày của ông S, lời thừa nhận của bà D, ông E cùng chứng cứ thu thập được là Biên bản về việc phản ánh của người dân ngày 28/5/2021 của Ủy ban nhân dân phường Thường Thạnh chứng minh được bà D, ông E đã chuyển nhượng cho ông S diện tích đất 31,0m^2 (CLN) trong tổng diện tích 1.773.7m^2 thuộc thửa 204 của bà D. Các chứng cứ này phù hợp với chứng cứ ông S cung cấp Giấy mua bán đất ngày 13/3/2016 có chữ ký bà D, ông E.

[5] Tuy Giấy mua bán đất ngày 13/3/2016 vi phạm về hình thức của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 502 Luật Đất đai nhưng ông S, bà D và ông E đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ của mình nên căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 129 Bộ luật Dân sự Giấy mua bán đất ngày 13/3/2016 không bị vô hiệu mà được công nhận có hiệu lực pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông S

là có căn cứ chấp nhận. Phần đất có diện tích 31,0m^2 (CLN) thuộc thửa đất 204 vị trí tiếp giáp, liền kề với thửa đất 823 có cùng mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm (CLN) nên đồng thời với việc công nhận cho ông S được quyền sử dụng diện tích này thì việc ông phải hợp thửa để chỉnh lý biến động diện tích thửa 204 tăng thêm 31,0m^2 (CLN) phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 3 Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ.

[6] Việc chuyển nhượng đã được các bên hoàn thành nghĩa vụ giao nhận tiền, giao nhận đất. Khi bà Ng nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích thửa đất 204 thì bà đã biết hiện trạng thực tế lúc bấy giờ có một phần diện tích 31,0m^2 ông S nhận chuyển nhượng từ bà D, ông E và đã xây dựng hàng rào bảo vệ đất, đưa vào quản lý, sử dụng nên bà Ng phải chấp nhận phần diện tích này thuộc quyền sử dụng của ông S. Qua đó, thấy rằng yêu cầu khởi kiện của ông S là có căn chứ chấp nhận, hủy một phần Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà D với bà Ng chứng thực số 1035 quyển số 05/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/5/2022 của Văn phòng công chứng T đối với diện tích 31,0m^2 (CLN) thuộc thửa 204, tờ bản đồ 7B, địa chỉ đất tại Khu vực Phú Thắng, phường Thường Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

[7] Theo quy định tại các Điều 147, 157 Bộ luật Tố tụng dân sự: Ông S đã tạm ứng và thực hiện xong 6.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do yêu cầu khởi kiện của ông S có căn cứ chấp nhận nên bà D, ông E, bà Ng mỗi người phải chịu và trả lại cho ông S 2.000.000 đồng. Mặc dù bà D thuộc trường hợp người cao tuổi (sinh năm 1961) nhưng do bà vắng mặt, Tòa án không thể hướng dẫn bà làm đơn xét miễn án phí nên bà và ông E, bà Ng mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông S được nhận lại tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000283 ngày 19/10/2023 và số 0003025 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 68, các Điều 147, 157, 227, 228, Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 2 Điều 129 Bộ luật Dân sự.

Các Điều 203, 502 Luật Đất đai.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông La Quang S.

Công nhận Giấy mua bán đất ngày 13/3/2016 giữa ông La Quang S với bà Nguyễn Ngọc D, ông Nguyễn Thanh Phú E có hiệu lực pháp luật đối với diện tích 31.0m^2 (CLN) thuộc thửa 204, tờ bản đồ 7B, địa chỉ đất tại Khu vực Phú Thắng, phường Thường Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Hủy một phần Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1035, quyển số 05/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/5/2022 của Văn phòng công chứng T giữa bà Nguyễn Ngọc D với bà Trang Thị Bích Ng đối với diện tích 31,0m^2 (CLN) thửa 204, tờ bản đồ 7B, địa chỉ đất tại Khu vực Phú Thắng, phường Thường Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 734719, số vào sổ cấp GCN: CS07268 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Cần Thơ cấp ngày 02/3/2018 cho bà Nguyễn Ngọc D (Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Cái Răng chỉnh lý ngày 14/6/2022: Chuyển nhượng cho bà Trang Thị Bích Ng).

Buộc bà Trang Thị Bích Ng có nghĩa vụ liên hệ cơ quan chức năng có thẩm quyền thực hiện thủ tục chỉnh lý biến động diện tích 31.0m^2 (CLN) thửa 204 qua thửa 823 của ông La Quang S đồng thời ông La Quang S được quyền liên hệ cơ quan chức năng có thẩm quyền thực hiện thủ tục hợp thửa và chỉnh lý biến động tăng diện tích 31.0m^2 (CLN) vào thửa số 823, tờ bản đồ số 7B, địa chỉ đất tại Khu vực Phú Thắng, phường Thường Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 765824, số vào sổ cấp GCN: CS07141 Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Cần Thơ cấp ngày 18/12/2017 cho ông La Quang S. Trường hợp bà Trang Thị Bích Ng không thực hiện nghĩa vụ nêu trên, theo yêu cầu của ông La Quang S kiến nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền thực hiện các thủ tục cần thiết để chỉnh lý biến động diện tích 31.0m^2 (CLN) cho ông La Quang S (Kèm theo Bản trích đo địa chính số 110/TTKTTNMT ngày 30/01/2024 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ).

Đình chỉ xét xử yêu cầu hủy một phần Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất 1956, quyển số 07/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/7/2021 của Văn phòng công chứng C giữa bà Nguyễn Ngọc D với ông Trang Thanh Bình.

Buộc bà Nguyễn Ngọc D, ông Nguyễn Thanh Phú E, bà Trang Thị Bích Ng mỗi người phải trả lại cho ông La Quang S 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm

định tại chỗ tài sản tranh chấp. Bà Nguyễn Ngọc D, ông Nguyễn Thanh Phú E, bà Trang Thị Bích Ng mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông La Quang S được nhận lại tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000283 ngày 19/10/2023 và số 0003025 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ. Các ông bà thực hiện quyền, nghĩa vụ về án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ. Địa chỉ: Số 01 Đường số 6, Khu dân cư Nông Thổ Sản II, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Tp. Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Cái Răng;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. Cái Răng;
- Lưu: Hồ sơ (TC: 12).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Minh Mẫn